

Bản án số: 247/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 7 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị L và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác
2. Bà Huỳnh Thị Thê Phương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đào Thúy L, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 630, ấp M, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Thúy L trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm được ba năm, đến năm 2014 chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 ngày

06-11-2014. Sau khi cưới, vợ chồng ở nhà trọ, cả hai cùng đi làm. Năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh T không sắp xếp được công việc, không chăm sóc con cái, nên vợ chồng luôn cự cãi nhau. Năm 2017 chị về sống với cha mẹ ruột để ông bà giúp đỡ chăm sóc cháu nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến năm 2018 mâu thuẫn nhiều hơn do anh T thiếu quan tâm vợ con, đi làm thường xuyên vắng nhà, ngoài ra anh T có biểu hiện sống không chung thủy, đi lại với phụ nữ khác, nhiều lần chị khuyên nhưng anh T vẫn không thay đổi, không thừa nhận qua lại với phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Từ tháng 6-2019 đến nay vợ chồng ly thân, cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng anh T không sửa đổi. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại văn bản ngày 31-3-2020 anh Nguyễn Ngọc T (là bị đơn) trình bày như trình bày trên của chị L về quan hệ hôn nhân. Do tính chất công việc đi công tác liên tục, chị L ghen và đòi ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ và các con.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Nghĩa, sinh ngày 18-01-2016; Nguyễn Ngọc Thiên Tân, sinh ngày 12-6-2019, cả 02 con chị L đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con 5.000.000đ/tháng/02 con. Anh T không đồng ý với yêu cầu trên của chị L, vì anh không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị L thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng cho con, chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng/02con (1.000.000đ/tháng/01con x 02 con), vì không biết thu nhập của anh T, hiện nay anh T có đi làm tại doanh nghiệp tư nhân nhưng chị không biết doanh nghiệp nào.

- Về chia tài sản và nợ chung: hai bên khai không có.

Theo chị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng có cha mẹ hai bên đều biết, tại Tờ tường trình ngày 24-3-2020 ông Đào Thành S1 (cha ruột chị L) cho biết, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con, phó mặc cho gia đình vợ chăm lo mọi việc, không chu cấp nuôi con. Ông đề nghị Tòa án cho chị L ly hôn anh T.

Tại văn bản ngày 22-5-2020 ông Nguyễn Ngọc S, bà Đào Thị H (cha mẹ ruột anh T) cho biết, sau khi cưới vợ chồng T – L sống tại thành phố Long Xuyên. Vợ chồng lục đục do T gây nợ nần, ông bà có gặp cha mẹ L để hàn gắn cho vợ chồng T – L. Từ đó đến nay vợ chồng vẫn còn thương nhau nhưng T không dám đến nhà cha mẹ vợ để thăm vợ con vì T sợ cha mẹ vợ la rầy. Theo ông bà không đồng ý cho chị L và anh T ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng anh Nguyễn Ngọc T (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân

của chị Đào Thúy L và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn và từ tháng 6 năm 2019 đến nay anh chị ly thân, không hàn gắn. Cho thấy hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thúy L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; về nuôi con chung, từ lúc ly thân đến nay chị L nuôi hai con ổn định, nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/02con là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; chia tài sản và nợ chung không có, không xem xét; về án phí, chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Đào Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh T thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con, có biểu hiện sống không chung thủy, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau hàn gắn, cha chị L đề nghị Tòa án cho ly hôn, cha mẹ anh T không đồng ý cho anh chị ly hôn, chị L kiên quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Liên và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị L và anh T.

[4] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị L nuôi hai con có cuộc sống ổn định. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Ngọc Nghĩa và cháu Nguyễn Ngọc Thiên Tân.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/01con x 02 con = 2.000.000/tháng/02con đến khi con thành niên. Chị L cho biết hiện nay chị sống với cha mẹ ruột, chị đi làm có thu nhập từ lương bình quân 8.000.000đ/tháng; anh T cũng đi làm có thu nhập, nhưng chị L không biết được thu nhập bình quân hằng tháng của anh T là bao nhiêu. Căn cứ mục 2 phần III

của công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn mức đóng góp phí tôn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000đ/tháng, nếu tính $\frac{1}{2}$ thì bằng 745.000đ/tháng, mặc dù chị L yêu cầu 1.000.000đ/tháng/01con so với quy định có cao hơn nhưng không nhiều, hiện nay chị L cũng có thu nhập 8.000.000đ/tháng. Nên chị L yêu cầu cấp dưỡng cho con 1.000.000đ/tháng/01con là chấp nhận được. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng/02con (1.000.000đ/tháng/01con x 02 con), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp đến khi cháu Nguyễn Ngọc Nghĩa và Nguyễn Ngọc Thiên Tân thành niên và tự nuôi sống bản thân.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh T được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: không có, nên không đề cập.

[8] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị L và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đào Thúy L và anh Nguyễn Ngọc T. Giấy chứng nhận kết hôn 07/2014 ngày 06-11-2014 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Nghĩa, sinh ngày 18-01-2016; Nguyễn Ngọc Thiên Tân, sinh ngày 12-6-2019 cho chị L trực tiếp nuôi, cả hai con chị L đang nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng cho hai con Nguyễn Ngọc Nghĩa, Nguyễn Ngọc Thiên Tân 2.000.000đ/tháng/02con (1.000.000đ/tháng/01con x 02 con). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con thành niên và tự nuôi sống bản thân.

2.3. Anh Nguyễn Ngọc T không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Đào Thúy L phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006581 ngày 10-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000đ.

5. Chị Đào Thúy L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan Thi hành án huyện Phú Tân;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương